TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/HS-PT

Ngày 27/8/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Hà Viết Toàn và Ông Vũ Văn Thuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 117/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo Đỗ Văn N, Nguyễn V và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Kiều Thị T là ông Trần Minh T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2026/HS-ST ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Đỗ Văn N, sinh ngày 01/01/1961 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số 051061010719, cấp ngày 11/01/2022; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Võ Thị V1 (đều đã chết); có vợ là bà Lê Thị H, sinh năm 1967 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn N: Ông Nguyễn Tài D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn V, sinh ngày 09/3/1987 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051087014031, cấp ngày 10/8/2021; nơi thường trú: Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A, bà Ngô Thị S; có vợ là Tống Thị H1, sinh năm 1990 và có 02 người con (sinh năm 2018 và sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Kiều Thị T, sinh ngày 10/10/1970; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051170012297, cấp ngày 11/01/2022; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bà Kiều Thị T: Ông Trần Minh T1, sinh ngày 07/8/1998; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số 051098011433 cấp ngày 11/01/2022; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 24/5/2025, bị cáo Đỗ Văn N (sau đây viết tắt là N) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76C1-214.64 (sau đây viết tắt là xe 76C1-214.64) chở bà Kiều Thị T (sau đây viết tắt là bà Kiều Thị T) đi đến khu vực biển thuộc thôn L, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe 76C1-214.64 chở bà T quay trở về nhà ở xã Đ. Khi điều khiển xe di chuyển theo hướng Đ – Tây đến đoạn đường Khu đô thị V thuộc thôn A, xã V, tỉnh Quảng Ngãi (đoạn đường này có 02 phần đường chạy ngược chiều nhau và có dải phân cách cứng ở giữa) thì N điều khiển xe vừa đi vừa nhìn 02 bên đường nhằm tìm quán để vào ăn tối. Khi đến đoạn đường có điểm mở ở giữa đường, N điều khiển xe chuyển hướng qua đường theo hướng B - N. Cùng thời điểm này, bị cáo Nguyễn V (sau đây viết tắt là V) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76C1-691.00 (sau đây viết tắt là xe 76C1-691.00) di chuyển từ hướng Đông – Tây đoạn đường Khu đô thị V đến vị trí nơi Nhơn đang chuyển hướng qua đường, đoạn đường có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường nhưng V không chú ý quan sát, không giảm tốc độ nên đã tông thẳng vào phía bên trái xe 76C1-214.64 do N điều khiển. Hậu quả dẫn đến các bị cáo N, V và bà T đều bị thương tích, được đưa đi cấp cứu và 02 xe nêu trên bị hư hỏng.

Tại Kết luận giám định số 16/KLTTCT-TTPY ngày 30/7/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà T là 82% (tám mươi hai phần trăm).

Tại Kết luận giám định số 951/KL-KTHS ngày 26/9/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận dấu vết cơ học như sau: Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là mặt lăn bánh trước xe 76C1-691.00 (vị trí bị chà xát, trầy xước cao su kích thước 20x7cm) với mặt ngoài ốp kim loại bảo vệ xích bên trái xe 76C1-214.64 (vị trí bị móp lún, trầy xước kim loại và bám dính chất lạ màu đen); vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa hai phương tiện là khu vực phía Đông Bắc

đầu Đông Bắc vết cày xước mặt đường (1), thuộc làn đường thứ thứ 3 (tính từ B vào N) của phần đường phía Bắc tuyến đường K. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, xe 76C1-691.00 chuyển động theo hướng từ Đông sang T, xe 76C1-214.64 chuyển động theo hướng từ Đông Bắc sang T; không đủ cơ sở xác định vận tốc của các phương tiện khi xảy ra va chạm.

Theo kết quả xác minh giấy phép lái xe, xác định nồng độ cồn, chất kích thích mạnh, chất ma túy thể hiện:

Bị cáo V có giấy phép lái xe hạng A1 được Sở Giao thông Vận tải tỉnh Q cấp ngày 05/7/2019, phiếu đo nồng độ cồn ngày 24/5/2025 xác định nồng độ cồn là 0,261mg/L khí thở; kiểm tra chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác: Âm tính.

Bị cáo N không có giấy phép lái xe hạng A1 và các loại giấy phép lái xe khác; phiếu đo nồng độ cồn ngày 24/5/2025 xác định nồng độ cồn là 0,00mg/L khí thở; kiểm tra chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác: Âm tính.

Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2026/HS-ST ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn N, Nguyễn V phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N mức hình phạt 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vòng M hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/6/2026, bị cáo Đỗ Đức N1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 12/6/2026, bị cáo Nguyễn V kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 12/6/2026, ông Trần Minh T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đỗ Đức N1, Nguyễn V và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Văn N về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn V về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; là có căn cứ, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo N 02 năm tù, bị cáo V 02 năm 03 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo N lớn tuổi và có vợ đang đau yếu nằm một chỗ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo V; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức án 02 năm tù nhưng cho bị cáo N hưởng án treo.

- *Người bào chữa cho bị cáo N phát biểu luận cứ bào chữa:*Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Văn N về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đã lớn tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức án 02 năm tù nhưng cho bị cáo N hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Đức N1, Nguyễn V vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/5/2026, bị cáo N1 (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe 76C1-214.64 chở bà Kiều Thị T đi theo hướng Đông – Tây đi trên đoạn đường Khu đô thị V thuộc thôn A, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Khi đến đoạn đường có điểm mở ở dải phân cách, có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường, có nhiều làn xe chạy cùng chiều, bị cáo N1 không chú ý quan sát xe phía sau mà điều khiển xe chuyển hướng qua đường theo hướng B - N. Lúc này, V điều khiển xe 76C1-691.00 (trong tình trạng hơi thở có nồng độ cồn là 0,261 miligam/1 lít khí thở) di di chuyển từ hướng Đông – Tây đoạn đường Khu đô thị V đến vị trí nơi N1 đang chuyển hướng qua đường nhưng V không chú ý quan sát, nên dẫn đến va chạm với xe 76C1-214.64 do N1 điều khiển. Hậu quả bà T bị thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể là 82%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử

bị cáo Đỗ Văn N về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn V về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Đỗ Đức N1, Nguyễn V và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trần Minh T1 thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác, gây mất trật tự an toàn giao thông đường bộ. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân của bị cáo V, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo và xử phạt bị cáo V 02 năm 03 tháng tù là phù hợp, không nặng.

Đối với bị cáo N1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức án 02 năm tù đối với bị cáo N1 là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo N1 đã lớn tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo N1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần cách ly bị cáo N1 khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo N1 được cải tạo tại địa phương, để bị cáo N1 thấy được sự khoan hồng của pháp luật và cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N1 và người đại diện hợp pháp của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo V; áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo N1 được hưởng án treo.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đỗ Văn N và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Kiều Thị T là ông Trần Minh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn V; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn N và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Kiều Thị T là ông Trần Minh T1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2026/HS-ST ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 02 (hai) năm tù về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ",* nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày xét xử phúc thẩm (ngày 27/8/2026).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn V phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đỗ Văn N và người đại diện hợp pháp của bị hại bà Kiều Thị T là ông Trần Minh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ - nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND khu vực 2 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 2 – Quảng Ngãi;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh